

Số: 70/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Giao thông vận tải

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-KĐCL ngày 28/01/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-KĐCL ngày 08/02/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XVII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Giao thông vận tải, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XVII ngày 26/02/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Giao thông vận tải của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Giao thông vận tải theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Giao thông vận tải cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Giao thông vận tải cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Giao thông vận tải.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 70/NQ-HĐKĐCL ngày 28 tháng 02 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,94
Tiêu chuẩn 1	3,80
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	3,50
Tiêu chuẩn 6	4,00
Tiêu chuẩn 7	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,50
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,01
Tiêu chuẩn 9	3,83
Tiêu chuẩn 10	4,50
Tiêu chuẩn 11	3,50
Tiêu chuẩn 12	4,20

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,16
Tiêu chuẩn 13	4,40
Tiêu chuẩn 14	4,00
Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 16	4,00
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 19	4,00
Tiêu chuẩn 20	4,50
Tiêu chuẩn 21	4,25
Mục 4. Kết quả hoạt động	3,96
Tiêu chuẩn 22	3,75
Tiêu chuẩn 23	4,33
Tiêu chuẩn 24	3,75
Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 70/NQ-HĐKĐCL ngày 28 tháng 02 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2016 - 2020 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi được xây dựng, cập nhật theo các giai đoạn phát triển, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của ngành giao thông vận tải. Hệ thống quản trị hoàn chỉnh theo yêu cầu của Luật Giáo dục đại học, được rà soát và cải tiến; các định hướng chiến lược được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch để tổ chức quản lý đảm bảo trách nhiệm giải trình và sự minh bạch. Cơ cấu tổ chức quản lý được xây dựng, được rà soát, cải tiến; quy hoạch, bồi dưỡng đánh giá nhân lực và được thực hiện công khai, minh bạch và được rà soát hàng năm. Chiến lược phát triển được xây dựng cho từng giai đoạn có xác lập KPIs cho các lĩnh vực hoạt động và kế hoạch để triển khai cụ thể cho từng lĩnh vực, được giám sát, đánh giá hàng năm.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập và vận hành; đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ; chính sách, kế hoạch đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa thành các quy định cụ thể, các mục tiêu chính và được thực hiện hằng năm; có nhiều nỗ lực thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo; các tồn tại được lập kế hoạch khắc phục, cải tiến. hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng và có những hỗ trợ cho các cấp ra quyết định phù hợp.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố công khai và được thực hiện theo quy định. Nội dung chương trình đào tạo, các hoạt động dạy và học được thiết kế cơ bản thể hiện được mục tiêu và triết lý giáo dục của trường; được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với nhu cầu người học và đặc điểm của thị trường lao động. chiến lược và chính sách phát triển nguồn nhân lực được xây dựng hướng tới tăng chất lượng và trình độ đội ngũ cán bộ. kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2020 và quy định về kết nối, phục vụ cộng đồng được triển khai thực hiện.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các ngành đào tạo được triển khai giúp nhận diện về thực trạng đào tạo và đã có một số biện pháp nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, thi lại các học phần. các loại hình hoạt động nghiên cứu khá đa dạng, chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học được quan tâm và đầu tư; kết quả nghiên cứu khoa học đáng khích lệ với nhiều đề tài các cấp, công bố quốc tế và phát minh sáng chế. các chỉ tiêu tài chính và chỉ số thị trường được xác lập và rà soát, đánh giá định kỳ hướng tới đạt được mục tiêu phát triển Trường theo từng giai đoạn.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Chi tiết hoá các chỉ tiêu chiến lược cho kế hoạch trung hạn và ngắn hạn, thể hiện rõ các yếu tố thời đại và xu thế chuyển đổi. Tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tư duy số và khát vọng phồn vinh của đất nước cần được tích hợp và trở thành trách nhiệm triển khai thực hiện. Giá trị cốt lõi, sứ mạng, tầm nhìn cần được truyền thông, quảng bá rộng rãi; cần tương thích và hỗ trợ hiệu quả chiến lược và gia tăng sự gắn bó, tạo động lực cho cán bộ và giảng viên; nghiên cứu phát biểu khẩu hiệu hành động và phương thức triển khai chiến lược mới phù hợp với quyết tâm phát triển và tầm nhìn Châu Á.

2. Tổ chức rà soát, hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động, quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, mục tiêu và công cụ quản trị cho Hội đồng Trường trên cơ sở Luật số 34/2018/QH-14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP; bổ sung bộ phận nhân sự và xây dựng công cụ để triển khai hoạt động giám sát của Hội đồng trường; tiến hành nhất thể hoá chức danh chủ tịch Hội đồng trường theo đúng quy định; nghiên cứu nội dung và giải pháp thực hiện tốt tự chủ đại học, đặc biệt là tự chủ về học thuật và tạo động lực thực thi cho các bên liên quan.

3. Tổ chức rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý một cách tổng thể; xây dựng hướng dẫn, quy trình và thực hiện rà soát định kỳ và giám sát cải tiến trên cơ sở đánh giá việc thực hiện các KPIs và hiệu quả công việc, năng lực lãnh đạo, quản lý và ý kiến phù hợp của các bên liên quan; phân tích hiệu quả thực hiện của các đơn vị cấu thành, cơ cấu nhân lực và quy trình hoạt động làm căn cứ thực hiện các điều chỉnh hợp lý; cập nhật, hoàn chỉnh các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ, quản lý các hoạt động, quy định phối hợp giữa các bộ phận của hệ thống quản trị và quy chế phối hợp giữa các đơn vị.

4. Tổ chức rà soát chiến lược phát triển, thể hiện rõ nét hơn mô hình và bản sắc nghiên cứu (identity), xác định sự đóng góp rõ ràng hơn của Nhà trường vào quá trình hội nhập quốc tế, thực hiện khát vọng xây dựng một Việt Nam phồn vinh hùng cường; có hướng dẫn quy trình triển khai và rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các chiến lược thành phần, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn; thực hiện đối sánh quốc tế; bổ sung chiến lược phục vụ cộng đồng, các biện pháp quản trị rủi ro, xác định nguồn lực (nhất là tài chính) nhằm đảm bảo tính khả thi cho các kế hoạch.

5. Có quy định, hướng dẫn và triển khai đánh giá, hoàn thiện các chính sách để phản ánh được xu thế thay đổi của một trường đại học nghiên cứu, đại học thông minh; xây dựng bổ sung một số chính sách cốt lõi, một số nội dung có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học, xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong phục vụ cộng đồng.

6. Triển khai việc xây dựng quy hoạch nguồn nhân lực giai đoạn sau 2020 phù hợp với chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030; có chế độ, chính sách mang tính đột phá trong hỗ trợ và phát triển nhân lực, đặc biệt là tuyển dụng, đào tạo và sử dụng đội ngũ trong từng giai đoạn; đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên và nhân viên đối với các chính sách, các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn để tăng cường hoạt động này.

7. Có kế hoạch tăng cường kiểm định các chương trình đào tạo để đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao và thu học phí tương ứng; có định hướng phát triển khoa học công nghệ và hợp tác phát triển, hướng tới trở thành nguồn thu quan trọng của trường; tăng cường khai thác nguồn lực từ các dự án đầu tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tăng cường cơ sở vật chất; có kế hoạch, lộ trình rõ ràng đầu tư cho công nghệ thông tin để tăng hiệu quả đầu tư và khai thác; tăng cường nguồn học liệu cho thư viện, kết nối thư viện với thư viện các cơ sở trong và ngoài nước và tăng hiệu quả khai thác.

8. Phân công bộ phận đầu mối phụ trách công tác truyền thông, kết nối các bên liên quan và phát triển quan hệ với doanh nghiệp/người sử dụng lao động; ban hành đầy đủ văn bản quản lý, hoàn thiện bộ công cụ để định kỳ rà soát về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác; có các chính sách cụ thể để tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và khuyến khích các đơn vị, cá nhân tích cực tham gia; có kế hoạch triển khai hợp tác chuyển giao công nghệ như là một thế mạnh của một trường đại học tiềm năng về khoa học, kỹ thuật trong lĩnh vực giao thông vận tải.

9. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu chiến lược của Trường; hoàn chỉnh hệ thống đảm bảo chất lượng 3 cấp từ Hội đồng đảm bảo chất lượng đến các đơn vị; hoàn chỉnh hệ thống văn bản quản lý nội bộ về đảm bảo chất lượng; xây dựng kế hoạch chiến lược dài và trung hạn, có cơ chế hoạt động từng giai đoạn và nguồn lực để thực hiện; phân tích, đối chiếu kết quả khảo sát các bên liên quan một cách hệ thống và triển khai cải tiến nâng cao chất lượng trong mọi mặt hoạt động; tăng cường giám sát, theo dõi đánh giá các hoạt động để có giải pháp khắc phục; xây dựng quy trình xác lập các chỉ số KPIs về đảm bảo chất lượng và mục tiêu chiến lược và theo dõi, đánh giá mức độ đạt được để liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng.

10. Ban hành các văn bản hướng dẫn về kế hoạch, quy trình tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài để thống nhất cách tổ chức và thực hiện đầy đủ, đảm bảo tính hiệu quả; tăng cường đánh giá, giám sát kết quả thực hiện; bổ sung vào kế hoạch đảm bảo chất lượng 5 năm hoạt động rà soát để điều chỉnh các quy trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế; có tổng kết để rút kinh nghiệm và chia sẻ các thực hành tốt nhất trong nội bộ và thực hành tốt của các trường đại học khác ở trong và ngoài nước.

11. Có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin quản lý nội bộ và đối ngoại; có các quy định, quy trình thu thập, phân tích, báo cáo và sử dụng thông tin phục vụ việc giám sát thực hiện bộ chỉ số KPIs trong các lĩnh vực hoạt động; xây dựng hệ thống quản lý tích hợp dưới dạng trang quản trị tổng hợp để đảm bảo sự thống nhất trong liên kết dữ liệu; xây dựng quy trình và công cụ để hỗ trợ phân tích dữ liệu theo các chỉ số KPIs nhằm hỗ trợ các cấp lãnh đạo, quản lý ra quyết định kịp thời và phù hợp; phân tích chuyên sâu các dữ liệu khảo sát để đưa ra được các khuyến cáo chất lượng.

12. Có chính sách, thủ tục và quy định, hướng dẫn về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, có kế hoạch và huy động nguồn lực để triển khai các hoạt động; theo dõi, đánh giá kết quả để hỗ trợ kịp thời cho việc nâng cao chất lượng; tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục khác ở trong nước và quốc tế nhằm xác định thang đo chuẩn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và tiệm cận với quốc tế; cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh và tăng cường chia sẻ giữa các đơn vị để cải tiến liên tục nhằm đạt kết quả tốt nhất trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

13. Có chính sách đủ mạnh, đa dạng hoá các phương thức tuyển sinh để thu hút nguồn dự tuyển; có chính sách đào tạo dự nguồn, ngoại ngữ và phương thức tuyển sinh liên tục trong năm để thu hút người học sau đại học; điều tra số liệu và dự báo nguồn nhân lực về các ngành nghề đang đào tạo để xác định và điều chỉnh chỉ tiêu; xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học theo ngành/nhóm ngành, đặc biệt các chương trình đào tạo đặc thù, ngành mũi nhọn để hướng đến đảm bảo chất lượng ngành học, sự bền vững và chiến lược lâu dài.

14. Tăng cường khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến, bám sát Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn có liên quan để định kỳ rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo để chuyển tải đầy đủ các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường; sớm rà soát, cập nhật các chương trình đào tạo sau đại học tuân thủ các quy định của nhà nước và đáp ứng các yêu cầu đối với nguồn nhân lực trình độ cao của ngành và của đất nước.

15. Xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu và triết lý giáo dục của Trường; tăng cường các phương pháp dạy học tích cực giúp người học phát triển các kiến thức, kỹ năng đáp ứng chuẩn đầu ra và năng lực học tập suốt đời; có các giải pháp hiệu quả thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao tại Phân hiệu; có chính sách cụ thể, khuyến khích người học sau đại học tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia các đề tài, dự án.

16. Xây dựng và ban hành hướng dẫn về xây dựng, lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra, nhất là về tự học, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và năng lực học tập suốt đời của người học; có quy trình đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá và triển khai thực hiện; và tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên để đáp ứng được các yêu cầu này.

17. Có quy định, hướng dẫn về việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng về các hoạt động hỗ trợ, phục vụ người học; định kỳ đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học để có các giải pháp phù hợp cải thiện mức độ hài lòng của người học; xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp và triển khai thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ phục vụ và hỗ trợ người học theo từng vị trí công việc; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và đầu tư tăng kinh phí cho các hoạt động.

18. Thực hiện đối sánh với các trường đại học top 200 Châu Á để xác định và bổ sung các KPIs về hoạt động khoa học công nghệ phù hợp với trường đại học nghiên cứu và chuyển thành các kế hoạch thực hiện hàng năm; thu hút đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm mũi nhọn; có cơ chế, chính sách khuyến khích đối với cán bộ trẻ, nhóm nghiên cứu tiềm năng; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh với đặt hàng mang tính chiến lược và đầu tư tương xứng để có các sản phẩm và kết quả bền vững; tăng cường kết nối với các đơn vị nghiên cứu, tư vấn chuyên gia trong và ngoài nước để đẩy mạnh công bố quốc tế và thương mại, chuyển giao.

19. Xác định cụ thể các chỉ tiêu cần đạt đối với các phát minh sáng chế, các giải pháp hữu ích trong các kế hoạch hoạt động, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm khoa học công nghệ; xây dựng chiến lược tạo tài sản trí tuệ, thúc đẩy chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng; thiết lập quy trình quản lý rủi ro, bảo vệ và chiến lược

“ra thị trường”/khai thác các tài sản trí tuệ; có cơ chế khuyến khích, giám sát và tư vấn chuyên gia, thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học; định kỳ tổ chức tập huấn và thúc đẩy truyền thông về sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên và người học cứu và sử dụng phần mềm chống đạo văn.

20. Nghiên cứu xây dựng các KPI cụ thể về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác, sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học để triển khai thực hiện hàng năm; có quy chế phối hợp giữa đầu mối quản lý khoa học và hợp tác quốc tế để gắn kết hoạt động hợp tác và đối tác theo định hướng chiến lược về nghiên cứu khoa học; có đầu tư tương xứng để chủ động phát triển mạng lưới ổn định các hợp tác nghiên cứu, xây dựng công viên/vườn ươm khoa học công nghệ có sự tham gia của các đối tác nước ngoài; phát triển bền vững các nhóm nghiên cứu mạnh làm đòn bẩy để tăng cường các đề tài, hợp tác song phương, nghị định thư; tăng cường công bố khoa học là kết quả từ các hợp tác nghiên cứu chung giữa Nhà trường và các đối tác.

21. Có chính sách về kết nối, phục vụ cộng đồng trong đó chú trọng đến tác động xã hội và đến chất lượng người học; định kỳ có các báo cáo riêng việc tuân thủ các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động, việc tuân thủ các quy định của pháp luật để đánh giá hiệu quả, trách nhiệm đối với xã hội; thực hiện khảo sát khách quan và đầy đủ sự hài lòng của các bên liên quan trong và ngoài trường về những cải tiến trong hoạt động này.

22. Có giải pháp hiệu quả để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình; định kỳ đối sánh với các chương trình đào tạo của Trường và với các cơ sở khác trong và ngoài nước; cải tiến việc khảo sát tình trạng việc làm của người học sau đại học cho phù hợp trong đó lưu ý đến mức độ thay đổi, cải tiến và sự thăng tiến trong công việc; thường xuyên khảo sát, phân tích về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học sau tốt nghiệp của từng chương trình đào tạo để có kế hoạch khắc phục, nâng cao chất lượng.

23. Thường xuyên thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế để cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện sứ mệnh trở thành trường đại học nghiên cứu thuộc nhóm đầu của Việt Nam và khu vực; tăng kinh phí đầu tư theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; tăng cường năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ trẻ để có thể gia tăng được công bố các khoa học có chỉ số tác động cao; có chiến lược tăng cường đăng ký các phát minh sáng chế và các giải pháp khai thác các tài sản trí tuệ; có chiến lược và biện pháp quản lý, tổ chức các hoạt động khoa học công nghệ theo “mô hình 4P” (purpose, priority, product, people/partner); chú trọng xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

24. Hoàn thiện hệ thống, xác lập dự đoán mức độ tác động cụ thể và đưa vào kế hoạch hoạt động để hướng tới đạt được các mục tiêu về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; nghiên cứu xây dựng và triển khai các chương trình phục vụ học tập cộng đồng (community service learning); xây dựng hệ thống chỉ báo, các chỉ số thực hiện và thực hiện đánh giá tác động xã hội và tác động đối với cán bộ, giảng viên, người học để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động.

25. Xây dựng hệ thống chỉ số tài chính phù hợp căn cứ theo các quy định tài chính của nhà nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và khả năng phát triển nguồn thu; xây dựng văn bản quy định cụ thể về quy trình, phương pháp, công cụ... thu thập thông

tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động; thiết lập hệ thống giám sát tổng thể kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trên cơ sở tích hợp với các chỉ tiêu tài chính; chú trọng việc đối sánh với các trường trong khu vực, quốc tế để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
